THÔNG SỐ KỸ THUẬT / *SPECIFICATIONS*		NPR85KE5	NPR85ME5	NQR75HE5	NQR75LE5	NQR75ME5
KHỐI LƯỢNG / *MASS*						
Khối lượng toàn bộ / *Gross vehicle mass*	kg	7,500		9,500		
Khối lượng bản thân / *Kerb mass*	kg	2,490	2,580	2,800	2,820	2,840
Số chỗ ngồi / *Number of seats*	Người / *Persons*	03				
Thùng nhiên liệu / *Fuel tank*	Lít / *Liters*	100				
KÍCH THƯỚC / *DIMENSIONS*						
Kích thước tổng thể DxRxC / *Overall Dimension (OALxOWxOH)*	mm	6,680 x 2,120 x 2,305	7,855 x2,120 x 2,305	6,025 x 2,150 x 2,350	7,395 x 2,150 x 2,350	7,865 x 2,150 x 2,350
Chiều dài cơ sở / *Wheelbase (WB)*	mm	3,815	4,475	3,365	4,175	4,475
Vệt bánh xe trước - sau / *Front - Rear tread (AW/CW)*	mm	1,680 / 1,650				
Khoảng sáng gầm xe / *Ground clearance (HH)*	mm	200		225		
Chiều dài đầu - đuôi xe / *Front - Rear overhang (FOH/ROH)*	mm	1,110 / 1,755	1,110 / 2,270	1,110 / 1,550	1,110 / 2,110	1,110 / 2,280
ĐỘNG CƠ & TRUYỀN ĐỘNG / *ENGINE & TRANSMISSION*						
Tên động cơ / *Model*		4JJ1E5LE		4HK1E5N		
Loại động cơ / *Type*		Phun nhiên liệu điện tử, tăng áp - làm mát khí nạp / *Common rail, turbo - intercooler*				
Tiêu chuẩn khí thải / *Emission standard*		EURO 5				
Dung tích xy lanh / *Displacement*	cc	2,999		5,193		
Công suất cực đại / *Max. power*	Ps(kW) / *rpm*	124 (91) / 2,600		155(114)/ 2,600		
Momen xoắn cực đại / *Max. torque*	N.m(kgf.m) / *rpm*	354 (36) / 1,500		419(43) / 1,600-2,600		
Hộp số / *Transmission*		MYY6S - 6 số tiến & 1 số lùi / *6 Forward & 1 Reverse*				
Bộ trích công suất / *PTO*		-	-	Tiêu chuẩn / *Standard*	-	-
TÍNH NĂNG ĐỘNG HỌC / *PERFORMANCE*						
Tốc độ tối đa / *Max speed*	km/h	88		97	90	
Khả năng vượt dốc tối đa / *Gradeability*	%	35		28	26	
Bán kính quay vòng tối thiểu / *Min Turning Radius*	m	7.1	8.1	6.9	8.4	8.9
HỆ THỐNG CƠ BẢN / *BASIC SYSTEMS*						
Hệ thống lái / *Steering system*		Trục vít - ê cu bi trợ lực thủy lực / *Recirculating ball with hydraulic assisted*				
Hệ thống treo trước - sau / *Suspension System Front - Rear*		Phụ thuộc, nhíp lá và giảm chấn thủy lực / *Dependent, leaf spring, shock absorber*				
Hệ thống phanh trước - sau / *Brake System Front - Rear*		Tang trống, phanh dầu mạch kép trợ lực chân không / *Drum, hydraulic with vacuum servo assistance, dual circuit*				
Kích thước lốp trước - sau / *Tire Size Front - Rear*		Tiêu chuẩn / *Standard*: 7.50R16 Tùy chọn / *Option*: 7.50-16 14PR		Tiêu chuẩn / *Standard*: 8.25R16 Tùy chọn / *Option*: 8.25-16 14PR		
Máy phát điện / *Generator*		24V-50A				
Ắc quy / *Battery*		12V-70(Ah) x 02				

* Hình ảnh & thông số kỹ thuật có thể khác so với thực tế và có thể thay đổi mà không báo trước.

* *Those specifications & photos would be able to change without notice and may vary from actual ones.*

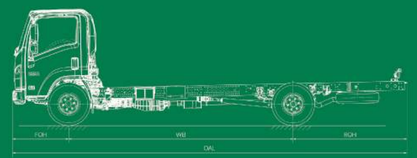

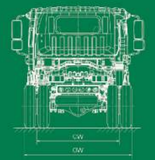

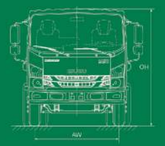

CÔNG TY TNHH Ô TÔ ISUZU VIỆT NAM

695 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

(84-28)3 895 9203

www.isuzu-vietnam.com

/IsuzuVietnamCompany

IsuzuVnCo

FORWARD

N-SERIES MASTER TRUCK GREEN POWER

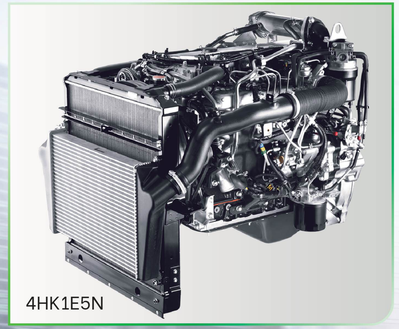

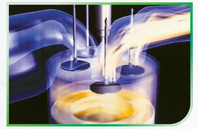

Tối ưu công suất, tiết kiệm nhiên liệu
Optimal power & fuel economy

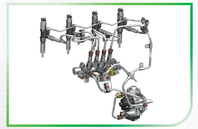

Hệ thống Common Rail áp suất cao
High-pressure Common Rail System

ISUZU NEW FORWARD N-SERIES GREEN POWER - là "**Sự lựa chọn thông minh**" của khách hàng ở phân khúc xe tải nhẹ. ISUZU N-SERIES MASTER TRUCK sở hữu nhiều đặc tính ưu việt: **động cơ COMMON RAIL Euro 5** tiếp tục kế thừa khả năng vận hành mạnh mẽ và bền bỉ; trang bị thêm nhiều tiện nghi mới như **cổng sạc nhanh USB 5V - 2.4A**, **hộp đựng dụng cụ** lớn; **khung gầm chắc chắn, tải trọng cao**. Xe đáp ứng linh hoạt mọi nhu cầu vận tải phù hợp nhiều loại hàng hóa và cung đường. Đặc biệt, thế hệ N-Series Green Power mới đạt tiêu chuẩn khí thải Euro 5 vận hành mạnh mẽ, bền bỉ và tiết kiệm nhiên liệu vượt trội so với các dòng xe cùng phân khúc.

ISUZU NEW FORWARD N-SERIES GREEN POWER - is the "**Smart choice**" of customers in the light truck segment. ISUZU N-SERIES MASTER TRUCK possesses many outstanding features: **COMMON RAIL Euro 5 engine** continuously be inherited durable and powerful operation; **solid chassis, high load capacity**; equipped with many new amenities such as **5V - 2.4A USB fast charging port**, large **tool box**. The vehicle flexibly meets all transportation needs and type of goods. Particularly, the new generation of N-Series Green Power meets Euro 5 emission standards is powerful, durable and has superior fuel economy compared to other vehicles in the same segment.

Không gian nội thất rộng rãi, tiện nghi
Spacious and convenient interior

Vị trí hộc chứa đồ tiện dụng đa dạng
Many usefull storages & cup holders

Cổng sạc nhanh USB 5V-2.4A (Mới)
USB fast charger 5V-2.4A (New)

Cửa sổ chỉnh điện và Khóa cửa trung tâm
Power windows and Center door lock

Hệ thống treo cứng cáp bền bỉ
Strong and durable suspension system

Hộp đựng dụng cụ lớn đa năng (Mới)
Flexibly large tool box (New)

TRANG BỊ / EQUIPMENTS

- 02 tấm che nắng cho tài xế & phụ xế / 02 sunvisors for driver & co-driver
- Cửa sổ chỉnh điện & Khóa cửa trung tâm / Power windows & Center door lock
- Tay nắm cửa an toàn bên trong / Inside guard bar
- Núm mồi thuốc / Cigar lighter
- Hệ thống điều hòa / Air conditioner
- Dây an toàn 03 điểm / 03 points seat belts
- Kèn báo lùi / Reversing warning buzzer
- Hệ thống làm mát và sưởi kính / Cooler and defroster
- USB-MP3, AM-FM radio
- Hộp đen lưu dữ liệu hoạt động xe DRM / Data recording module
- Cảnh báo khóa cabin / Tilt cab warning buzzer
- Phanh khí xả / Exhaust brake

* Hình ảnh & thông số kỹ thuật có thể khác so với thực tế và có thể thay đổi mà không báo trước / Those specifications & photos would be able to change without notice and may vary from actual ones.

ISUZU
★ BẢO HÀNH 3 NĂM ★
KHÔNG GIỚI HẠN SỐ KM